

Số: /2021/QN-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2021

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI  
KHÓA.....KỲ HỌP THỨ.....**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật sửa đổi Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Xét Tờ trình số...../TTr-UBND ngày.....tháng.....năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời đối với các cơ sở chăn nuôi đang hoạt động sản xuất trong khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

### 2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, trừ các loại vật nuôi làm cảnh, nuôi làm thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường.

### **Điều 2. Quy định khu vực nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi**

Quy định khu vực nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi các loại vật nuôi (trừ các loại vật nuôi làm cảnh, nuôi làm thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường) trên địa bàn tỉnh, gồm:

1. Toàn bộ các phường thuộc thành phố, thị xã (trừ các phường Bàu Sen, Xuân Lập, Suối Tre, Xuân Tân, Bảo Vinh thuộc thành phố Long Khánh).
2. Toàn bộ các thị trấn thuộc các huyện (trừ khu phố 4, khu phố 6 và khu 7 thuộc thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu).
3. Các khu dân cư hiện hữu, khu dân cư theo quy hoạch, khu vực phát triển dân cư, đô thị đã được xác định, định hướng trong các hồ sơ quy hoạch được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **Điều 3. Quy định vùng nuôi chim yến**

1. Vùng nuôi chim yến là vùng nằm ngoài khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này.
2. Việc xây dựng, hoạt động nuôi chim yến trong vùng nuôi chim yến phải đảm bảo theo quy định tại Khoản 3 Điều 64 Luật Chăn nuôi và Điều 25 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính Phủ về hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi và các quy định hiện hành có liên quan.

### **Điều 4. Quy định chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi**

1. Các cơ sở chăn nuôi nằm tại các khu vực được quy định tại Điều 2 Nghị quyết này khi thực hiện di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi kể từ khi Nghị quyết này có hiệu lực đến 31/12/2024 sẽ được hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ chi phí di dời cơ sở chăn nuôi.

- Đối với chăn nuôi nông hộ và trang trại quy mô nhỏ được hỗ trợ chi phí di dời cơ sở chăn nuôi với mức là 4 triệu đồng/cơ sở.

- Đối với trang trại quy mô vừa và trang trại quy mô lớn được hỗ trợ chi phí di dời cơ sở chăn nuôi với mức là 6 triệu đồng/cơ sở.

b) Hỗ trợ lãi suất vay đầu tư đối với dự án chăn nuôi mới.

Hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay theo hợp đồng vay vốn trong hai năm đầu, 50% lãi suất vốn vay trong năm thứ ba. Mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng đối với trang trại quy mô lớn, 150 triệu đồng đối với trang trại quy mô vừa, 60 triệu đồng đối với trang trại quy mô nhỏ. Mức lãi suất được hỗ trợ theo hợp đồng tín dụng nhưng tối đa không vượt quá lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại từng thời kỳ. Thời gian hỗ trợ lãi suất là thời gian vay thực tế ghi trên hợp đồng tín dụng.

## 2. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Mỗi cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị quyết này chỉ được ngân sách tỉnh hỗ trợ một lần. Chính sách quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng cho các cơ sở chăn nuôi đã được hưởng các chính sách tương tự từ ngân sách Nhà nước. Trong trường hợp cùng nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất

b) Địa điểm chăn nuôi di dời đến phải đầy đủ các thủ tục pháp lý và đảm bảo các điều kiện chăn nuôi theo quy định.

c) Nguồn vốn hỗ trợ do ngân sách tỉnh cân đối và vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ (nếu có).

d) Các cơ sở được ngân sách nhà nước hỗ trợ di dời phải sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

## 3. Điều kiện được hỗ trợ

- Các cơ sở chăn nuôi thuộc danh sách phải di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi được cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

- Có dự án đầu tư chăn nuôi tại địa điểm mới phải đảm bảo quy mô chăn nuôi trang trại quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương và đáp ứng các khoảng cách an toàn theo quy định hiện hành (Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi).

## Điều 5. Kinh phí thực hiện

a) Nguồn kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ do ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp hiện hành.

b) Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể phương thức thực hiện chính sách hỗ trợ.

## Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các cơ sở chăn nuôi xây dựng và hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại

Điều 2 Nghị quyết này thì phải di dời đến địa điểm phù hợp hoặc ngừng hoạt động chăn nuôi trước ngày 01/01/2025.

2. Đối với các nhà yến đã hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì hành nhưng không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này thì phải giữ nguyên trạng, không được coi nới và phải đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này.

### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

b) Cân đối nguồn ngân sách địa phương để bố trí kinh phí thực hiện hỗ trợ di dời các cơ sở chăn nuôi ra khỏi không được phép chăn nuôi theo quy định này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Nai và các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia thực hiện, giám sát Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa....Kỳ họp thứ.....thông qua ngày .....tháng.....năm.....và có hiệu lực từ ngày.....tháng.....năm...../.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra Văn bản (Bộ Tư pháp);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Báo ĐN, Báo LĐĐN, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**